

Số: 01 /KH-DSKHHGD

Hung Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện Chương trình Công tác Dân số tỉnh Hưng Yên năm 2024**

Căn cứ Nghị quyết số 21- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Căn cứ Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-SYT ngày 26/12/2023 của Sở Y tế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch y tế năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Hưng Yên trực thuộc Sở Y tế.

Chi cục Dân số - KHHGD xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2024 như sau:

## I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

### 1. Mục tiêu

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết 21-NQ/TW và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 nhằm kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, chú trọng giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số.

### 2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

#### 2.1. Chỉ tiêu cơ bản

- Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh): trên 75,5 tuổi;
- Tỷ số giới tính khi sinh chung toàn tỉnh là giảm 0,3 điểm phần trăm so với năm 2023.

- Mức giảm tỷ suất sinh thô: giảm 0,2‰ so với năm 2023

#### 2.2. Chỉ tiêu chuyên môn

- Điều chỉnh mức sinh (+/-CBR): Tùy theo từng huyện, thị xã, thành phố, mức giảm về tỷ suất sinh thô sẽ giảm từ 0,2-0,3‰ so với năm 2023;

- Chỉ tiêu Giảm tỷ số giới tính khi sinh (-SRB): Đối với các huyện, thị xã, thành phố mức giảm chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh sẽ tùy theo kết quả năm 2023 để giao mức giảm (theo bảng phụ lục đính kèm).

- Tổng số người mới sử dụng BPTT hiện đại trong năm 53.062 người;
- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh): 75%;
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh): 55%;
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm: 90%.

## **II. CÁC HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

### **1. Công tác tham mưu**

- Tham mưu với Sở Y tế ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo Trung tâm Y tế tuyến huyện ổn định đội ngũ cán bộ phòng Dân số, Truyền thông và Giáo dục sức khỏe, đảm bảo số lượng cán bộ để triển khai nhiệm vụ.

- Đề nghị Sở Y tế chỉ đạo Trung tâm Y tế tuyến huyện, phối hợp với Chi cục Dân số tỉnh phúc tra số liệu báo cáo thống kê năm 2023 toàn bộ tuyến xã.

### **2. Thực hiện các Chương trình, đề án**

#### **2.1. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh**

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024:

Tiếp tục thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (MCBGTKS) tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh trên phạm vi toàn tỉnh. Tăng cường truyền thông chuyển đổi hành vi, nâng cao nhận thức của người dân về nguyên nhân, hệ lụy của tình trạng MCBGTKS...

##### **2.1.1. Cấp tỉnh**

- Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát MCBGTKS năm 2024 trên cơ sở Kế hoạch số 108/KH-UBND.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động cụ thể và phối hợp với các ban, ngành liên quan tổ chức hội nghị, tọa đàm, hội thảo; Xây dựng các phóng sự, chuyên mục, chuyên trang phản ánh các hoạt động tuyên truyền của chiến dịch tuyên truyền MCBGTKS; Tổ chức các đợt Chiến dịch, sự kiện truyền thông tập trung về giới và MCBGTKS.

- Phối hợp với Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân, Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh, tổ chức hội nghị truyền thông cung cấp thông tin về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề MCBGTKS.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các hội nghị cung cấp thông tin thực trạng, nguyên nhân, giải pháp kiểm soát tình trạng MCBGTKS.



- Rà soát, bổ sung, xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nâng cao vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

- Sản xuất, nhân bản và cung cấp sản phẩm truyền thông, tài liệu, tờ gấp tuyên truyền về MCBGTKS.

- Phối hợp với các Trường THPT, THCS tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa để tuyên truyền về giới, giới tính, tình bạn, tình yêu kết hợp với tuyên truyền về MCBGTKS.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 01 cuộc tọa đàm cấp tỉnh, 10 cuộc tọa đàm cấp huyện, 20 cuộc tọa đàm cấp xã về thực trạng, hệ lụy của MCBGTKS, giải pháp kiểm soát tình trạng MCBGTKS trong thời gian tới.

- Kiểm tra, giám sát chuyên môn việc thực hiện quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

### **2.1.2. Cấp huyện, xã**

- Căn cứ kế hoạch của tỉnh, xây dựng kế hoạch phù hợp với đặc điểm của địa phương, tập trung tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hệ lụy của tình trạng MCBGTKS tại địa bàn có tỷ số giới tính khi sinh cao, kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tăng cường các hoạt động truyền thông, cung cấp thông tin về MCBGTKS cho lãnh đạo chính quyền, đoàn thể, những người có uy tín trong cộng đồng và người dân.

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề tại các xã, phường, thị trấn: cung cấp thông tin về hậu quả của thực trạng MCBGTKS; vận động người dân từng bước chuyển đổi nhận thức và tư tưởng lạc hậu về sinh con trai, con gái.

- Phối hợp với Đài Phát thanh xã định kỳ phát tin, bài về thực trạng, hậu quả của MCBGTKS (duy trì mỗi tháng ít nhất 2-3 tin bài được phát).

- Lồng ghép các nội dung về can thiệp giảm thiểu MCBGTKS cho đối tượng học sinh trong nhà trường.

- Tiếp tục bổ sung nội dung can thiệp về giảm thiểu MCBGTKS vào hương ước, quy ước tại địa bàn như bình đẳng giới; không phân biệt vai trò con trai/con gái trong chăm sóc bố mẹ già, trong công việc gia đình/hộ tộc; không lựa chọn giới tính thai nhi.

### **2.2. Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng**

- Thực hiện Kế hoạch số 533/KH-SYT ngày 12/4/2023 của Sở Y tế về thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và theo hướng dẫn tại công văn số 3369/BYT-TCDS ngày 19/6/2020 của Bộ Y tế .



- Tổ chức hội nghị phổ biến, tuyên truyền về lợi ích của việc sinh ít con hơn. Tập trung vận động không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con. Đối tượng chủ yếu: các cặp vợ chồng đã sinh hai con và có ý định sinh thêm con. Khẩu hiệu: “Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”.

- Hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ hôn nhân và gia đình: Phát triển các câu lạc bộ kết bạn trăm năm, hỗ trợ nam, nữ thanh niên kết bạn; tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi không kết hôn muộn và không sinh con sớm, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi,...

- Bảo đảm miễn phí BPTT hiện đại cho tất cả người dân có nhu cầu tránh thai đang cư trú trên địa bàn tỉnh, tại cả khu vực thành thị và nông thôn; bao gồm cả các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, người đơn thân, vị thành niên, thanh niên, người tạm trú là cán bộ, công nhân, người lao động thuộc các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn.

### **2.3. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 523/KH-SYT ngày 12/4/2023 của Sở Y tế về Chương trình củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

- Rà soát, xây dựng các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn về PTTT, dịch vụ KHHGD; bổ sung chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân khi tham gia cung ứng dịch vụ KHHGD. Đánh giá, điều chỉnh các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGD thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp trong tình hình mới.

- Bổ sung trang thiết bị, dụng cụ y tế và nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản PTTT, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD, ưu tiên địa bàn có mức sinh cao.

- Duy trì hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT và cung cấp dịch vụ KHHGD (LMIS).

- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy, linh hoạt trong cung cấp dịch vụ lâm sàng tại các cơ sở y tế và phi lâm sàng qua mạng lưới cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn. Huy động tối đa việc cấp phát PTTT phi lâm sàng tại nhà cho đối tượng có nhu cầu, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ tránh thai trên địa bàn.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGD thường xuyên; chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh; đối tượng khó tiếp cận; địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Xây dựng và triển khai các hoạt động của Đề án Tăng cường Tư vấn và cung ứng dịch vụ KHHGD cho vị thành niên, thanh niên trong tình hình mới



nhằm giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn, giảm phá thai, dự phòng vô sinh, cải thiện sức khỏe cho vị thành niên, thanh niên.

- Triển khai tiếp thị xã hội các PTTT và các hoạt động của Đề án 818 để tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp PTTT, hàng hóa dịch vụ KHHGD/SKSS theo Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ Y tế.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, người cung cấp dịch vụ.

#### **2.4. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh**

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030” và Hướng dẫn tại công văn số 7375/BYT-TCDS ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế; Kế hoạch số 534/KH-SYT ngày 12/4/2023 của Sở Y tế về Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Hưng Yên đến năm 2030. Năm 2024, chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tiếp tục triển khai các hoạt động:

- Tiếp tục thực hiện sàng lọc 4 bệnh, tật trước sinh, sàng lọc 05 bệnh, tật sơ sinh cơ bản nhất theo Quyết định 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản.

- Phối hợp với bệnh viện Sản - Nhi tỉnh tổ chức tập huấn kỹ năng tuyên truyền, tư vấn và đào tạo kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh cho cán bộ thực hiện kỹ thuật (cán bộ dân số, cộng tác viên và cán bộ y tế).

- Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tổ chức Hội nghị truyền thông, tư vấn về lợi ích của tầm soát, phát hiện, điều trị tật, bệnh, bẩm sinh tại các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông cấp tỉnh, huyện, xã tổ chức các hoạt động phát thanh, truyền thông, xây dựng các chuyên mục, phóng sự... phản ánh các hoạt động của đề án.

- Truyền thông giáo dục, tư vấn tại cộng đồng cho phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ về sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, làng, người cung cấp dịch vụ.

- Tham mưu với Sở Y tế, trình UBND tỉnh cho chủ trương triển khai Chương trình sàng lọc bệnh tan máu bẩm sinh cho học sinh trường THPT và THCS trên địa bàn tỉnh.

### **2.5. Hoạt động Tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (THN)**

- Tiếp tục hỗ trợ duy trì hoạt động phối hợp tuyên truyền CSSK/THN, sinh hoạt CLB tại 63 xã /10 huyện, TP, TX đã triển khai; tổ chức sinh hoạt lồng ghép với nội dung tuyên truyền CSSK, sức khỏe tiền hôn nhân, chính sách DS-KHHGD, đề án nâng cao chất lượng dân số, phương tiện tránh thai xã hội hóa.... trong giai đoạn hiện nay, các hoạt động chủ yếu sau:

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề, tư vấn về lợi ích của khám sức khỏe trước khi kết hôn để phát hiện, phòng ngừa và hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe khi kết hôn. Tư vấn về kiến thức trong quá trình mang thai, sinh đẻ, nuôi con bằng sữa mẹ, các nguy cơ sinh con bị bệnh, tật bẩm sinh, góp phần từng bước nâng cao sức khỏe về thể chất, trí tuệ, tinh thần của vị thành niên, thanh niên.

+ Truyền thông giáo dục, mở rộng và đa dạng hóa các kênh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/sức khỏe tình dục và sử dụng biện pháp tránh thai nhằm cải thiện tình trạng SKSS/KHHGD của VTN, thanh niên.

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động và giáo dục về SKSS/KHHGD với hình thức phù hợp với từng địa phương, cung cấp thông tin cho nam, nữ thanh niên tại nơi đăng ký kết hôn. Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng các chuyên mục, phóng sự phản ánh các hoạt động của mô hình truyền thông qua hệ thống PT-TH tỉnh, truyền thanh tại huyện, xã.

+ Tập trung tổ chức truyền thông, tư vấn chuyên biệt cho VTN, thanh niên tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện.

+ Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn cho đội ngũ cán bộ dân số các cấp, cán bộ tư pháp xã, chủ nhiệm CLB và đào tạo bồi dưỡng cho người cung cấp dịch vụ.

+ Sản xuất, nhân bản và cung cấp sản phẩm truyền thông, tài liệu, tờ rơi tuyên truyền về các BPTT, chăm sóc SKSS vị thành niên, thanh niên; làm mẹ an toàn, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

+ Duy trì hoạt động các câu lạc bộ tiền hôn nhân tại các xã.

### **2.6. Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (NCT)**

Triển khai có hiệu quả Đề án 7618/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế phê duyệt Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025; và Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về Kế hoạch thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hưng



Yên giai đoạn 2017-2025. Năm 2024 tiếp tục duy trì hoạt động cho 40 xã tại 10 huyện, thị xã, thành phố với các hoạt động chủ yếu sau:

- Triển khai xây dựng và duy trì hoạt động của các câu lạc bộ (CLB) chăm sóc sức khỏe NCT, CLB liên thế hệ, đội ngũ chăm sóc sức khỏe NCT tại gia đình nhằm nâng cao nhận thức và thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (CSSK NCT) của toàn xã hội; mở rộng đa dạng hóa các dịch vụ, phát triển thị trường dịch vụ CSSK NCT; cải thiện tình trạng sức khỏe cho người cao tuổi.

- Tăng cường truyền thông giáo dục thay đổi hành vi nâng cao nhận thức, tạo môi trường đồng thuận tham gia chăm sóc sức khỏe NCT trên các phương tiện thông tin đại chúng, Đài PT-TH tỉnh, đài truyền thanh huyện, xã; Xây dựng Pano, áp phích; Nhân bản tài liệu truyền thông sách, báo, tờ rơi, tờ gấp...

- Tổ chức truyền thông trực tiếp chăm sóc sức khỏe tinh thần thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn cộng đồng, sinh hoạt CLB hướng dẫn chăm sóc sức khỏe NCT và NCT tự chăm sóc; Tổ chức các sự kiện truyền thông, hội nghị, hội thảo, cuộc thi kêu gọi sự tham gia của NCT.

- Phối hợp với Hội người cao tuổi tuyên truyền về tình trạng già hóa dân số; vai trò của người cao tuổi trong công tác tuyên truyền, tư vấn vận động thực hiện các chính sách trong công tác dân số.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe NCT cho cán bộ y tế cơ sở, mạng lưới tình nguyện viên (TNV), chủ nhiệm CLB, cán bộ dân số và hội viên hội NCT cơ sở.

- Tổ chức các đợt khám sức khỏe NCT tại trạm y tế xã phát hiện sàng lọc các bệnh thường gặp ở NCT và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe ban đầu cho NCT ở cộng đồng.

## **2.7. Truyền thông dân số**

- Căn cứ Kế hoạch số 524/KH-SYT ngày 12/4/2023 của Sở Y tế về thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, công tác truyền thông dân số và phát triển năm 2024 tập trung vào các hoạt động sau:

- Thường xuyên cung cấp thông tin dưới nhiều hình thức về các vấn đề dân số trong tình hình mới đến cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp và người có uy tín trong cộng đồng thông qua hội nghị báo cáo viên của các cấp ủy đảng; các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống các trường chính trị - hành chính các cấp; hội nghị chuyên đề, hội thảo khoa học về lĩnh vực dân số; cung cấp tài liệu định kỳ nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, cam kết mạnh hơn, ban hành chính sách, bổ sung nguồn lực.

- Truyền thông của các cơ quan truyền thông đại chúng: tập trung khai thác, phát triển lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại; phối hợp với đài phát thanh, truyền hình thường xuyên đưa tin về dân số và phát



triển; xây dựng và phát sóng các chương trình chuyên về dân số và phát triển; thường xuyên cập nhật các thông tin dân số và phát triển lên fanpage, youtube, trang web; tham gia các cuộc thi tìm hiểu kiến thức về dân số và phát triển trên nền tảng mạng xã hội, Internet. Thường xuyên cập nhật và đưa tin các thông tin về dân số và phát triển trên đài phát thanh của các huyện, TP, thị xã, đài truyền thanh hiện có.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thường xuyên và lưu động đến các nhóm đối tượng khó tiếp cận như người lao động di cư, người tàn tật, người cao tuổi. Đặc biệt là kiến thức, hành vi và kỹ năng sống về tình dục, phá thai an toàn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục kể cả HIV/AIDS.

- Cải tiến chương trình, nội dung giáo dục dân số, giới tính, bình đẳng giới, SKSS/KHHGD, chất lượng cuộc sống trong hệ thống giáo dục phổ thông được lồng ghép thông qua việc giáo dục ngoại khóa theo các chuyên đề cho học sinh của các trường phổ thông trung học, Trung học cơ sở.

- Cung cấp thông tin, cập nhật các nội dung dân số và phát triển vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống trường chính trị - hành chính các cấp; sản xuất và cung cấp các bản tin, tài liệu vận động về dân số và phát triển cho các cấp lãnh đạo (factsheet, sách mỏng, các báo cáo tổng hợp... sản xuất từ 3-4 loại/năm).

- Tổ chức hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp: tổ chức các cuộc mít tinh, cô đọng, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số tại các cấp. Nội dung, chủ đề của các sự kiện; tổ chức tốt các chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ dân số; có ít nhất 01 cuộc/quý/địa bàn dân cư có lồng ghép nội dung dân số vào các cuộc họp, sinh hoạt văn nghệ, thể thao, giải trí của nhân dân tại khu dân cư, điểm dân cư; đưa chính sách dân số và phát triển vào hương ước, quy ước; duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, làng khi đến thăm hộ gia đình.

- Khuyến khích các đơn vị truyền thông tham gia và mở rộng các hình thức truyền thông về dân số và phát triển: triển khai các hình thức truyền thông phù hợp với nhu cầu của các nhóm đối tượng; biên soạn và cung cấp tài liệu truyền thông để cung cấp cho các cơ sở tư vấn; phối hợp kiểm tra, hướng dẫn các trung tâm, điểm tư vấn tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình và kỹ năng tư vấn; bảo đảm nội dung tư vấn chính xác theo đúng các quy định.

- Mở rộng các hình thức giáo dục, truyền thông thân thiện, phù hợp với vị thành niên, thanh niên: hỗ trợ và phối hợp với ngành giáo dục, thanh niên, phụ nữ, công đoàn để tiếp tục duy trì hoặc triển khai các mô hình phù hợp; đào tạo nâng cao về kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên, kỹ năng tư vấn cho



người cung cấp dịch vụ dân số, KHHGD/SKSS; sản xuất các sản phẩm truyền thông và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp với vị thành niên/thanh niên.

- Nâng cao hiệu quả giáo dục dân số và phát triển: sửa đổi, bổ sung nội dung, hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chuyên đề về dân số và phát triển cho học sinh của các trường trung học cơ sở; trung học phổ thông; sửa đổi, bổ sung nội dung dân số và phát triển trong chương trình đào tạo của hệ thống trường chính trị, hành chính; các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nghiệp vụ của các ngành, đoàn thể; tiếp tục lồng ghép nội dung giáo dục về giới, bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính khi sinh vào các trường chính trị, phổ thông; tổ chức các đợt trọng điểm, chiến dịch truyền thông giáo dục gắn với tư vấn và cung cấp dịch vụ cho học sinh tại các trường THCS, THPT.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ truyền thông: ít nhất 1 lần/ năm cung cấp thông tin cập nhật về dân số và phát triển, chính sách, pháp luật; đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ truyền thông cho đội ngũ cán bộ truyền thông cấp huyện, cấp xã và ban, ngành, đoàn thể.

## **2.8. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số**

- Tiếp tục triển khai kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 532/KH-SYT ngày 12/4/2023 của Sở Y tế về triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và cộng tác viên dân số đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn đảm bảo 100% cộng tác viên dân số được tập huấn kiến thức về chủ chương chính sách về dân số, kỹ năng truyền thông vận động, quản lý đối tượng.

## **2.9. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số**

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 532/KH-SYT ngày 12/4/2023 của Sở Y tế thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030; Thông tư số 01/2022/TT-BYT của Bộ Y tế về Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tham gia quản trị kho dữ liệu chuyên ngành dân số cho cán bộ dân số cấp huyện/xã, cộng tác viên.



- Rà soát, đề xuất xây dựng các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan; bổ sung chính sách chế độ liên quan.

- Tiếp tục duy trì, vận hành hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp và gián tiếp cho: hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số (MIS) các cấp.

- Khai thác và cung cấp, chia sẻ thông tin số liệu và dữ liệu chuyên ngành dân số. Xây dựng các báo cáo chuyên đề.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc cập nhật thông tin ở cơ sở.

### **3. Các nhiệm vụ khác**

#### **3.1. Thực hiện chính sách khuyến khích - thi đua khen thưởng**

- Hướng dẫn triển khai Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế; Nghị quyết 211/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, khuyến khích tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác dân số.

- Phát động phong trào thi đua, khen thưởng, động viên kịp thời đối với các đơn vị và cá nhân đạt kết quả công tác tốt.

#### **3.2. Kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành**

- Triển khai hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành dân số.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, thanh tra chuyên ngành các vi phạm pháp luật về dân số; xử lý nghiêm các tổ chức cá nhân vi phạm. Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành tại các cơ sở cung cấp dịch vụ, ký cam kết không công khai giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

- Kiểm tra, giám sát theo Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ thực hiện công tác dân số.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Từ nguồn ngân sách được giao của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, thị xã năm 2024.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Chi cục Dân số - KHHGD**

Căn cứ vào các nhiệm vụ cụ thể đã được nêu chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí thời gian, địa điểm phù hợp, đồng thời phối hợp với Trung tâm Y tế cấp huyện và các đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện.

### **2. Trung tâm Y tế các huyện, TP, TX và một số đơn vị liên quan**

Đối với các huyện, thành, thị xã căn cứ chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ tỉnh giao, xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động trên địa bàn.



Đối với các đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối kết hợp với Chi cục Dân số triển khai các nội dung của kế hoạch.

Nơi nhận:

- Cục Dân số (để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở Y tế (để báo cáo);
- Phòng NVY, Sở Y tế;
- Lãnh đạo Chi cục Dân số - KHHGD;
- Các phòng chức năng Chi cục;
- Trung tâm Y tế các huyện, TP, TX;
- Lưu: VT.

  
  
**Phạm Văn Khởi**



Phụ lục 1

**CHỈ TIÊU SỐ NGƯỜI MỚI THỰC HIỆN BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-DSKHHGD ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh)



TT	Đơn vị	Tổng số mới thực hiện BPTT	Triệt sản		Dụng cụ tử cung		Thuốc cấy tránh thai		Thuốc tiêm tránh thai		Viên uống tránh thai		Bao cao su	
			Nam	Nữ	Tổng số	T.đó miễn phí	Tổng số	T.đó miễn phí	Tổng số	T.đó miễn phí	Tổng số	T.đó miễn phí	Tổng số	T.đó miễn phí
1	TP Hưng Yên	5.116	1	6	1.000	1.000	18	18	41	41	2.120	2.120	1.930	1.350
2	Huyện Tiên Lữ	4.568	1	5	880	880	16	16	36	36	1.880	1.880	1.750	1.220
3	Huyện Phù Cù	3.794	1	5	760	760	15	15	33	33	1.420	1.420	1.560	1.090
4	Huyện Kim Động	4.768	1	7	1.030	1.030	18	18	42	42	1.990	1.990	1.680	1.170
5	Huyện Ân Thi	4.814	1	8	1.040	1.040	22	22	43	43	1.870	1.870	1.830	1.270
6	Huyện Khoái Châu	9.079	2	13	2.190	2.190	34	34	70	70	3.570	3.570	3.200	1.230
7	Huyện Yên Mỹ	7.077	1	9	1.640	1.640	24	24	53	53	2.660	2.660	2.690	1.880
8	Huyện Mỹ Hào	4.021	1	8	880	880	18	18	54	54	1.170	1.170	1.890	1.320
9	Huyện Văn Lâm	5.145	1	9	1.190	1.190	19	19	46	46	2.040	2.040	1.840	1.280
10	Huyện Văn Giang	4.680	1	8	1.010	1.010	18	18	43	43	1.890	1.890	1.710	1.190
11	BV Sản Nhi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>53.062</b>	<b>11</b>	<b>78</b>	<b>11.620</b>	<b>11.620</b>	<b>202</b>	<b>202</b>	<b>461</b>	<b>461</b>	<b>20.610</b>	<b>20.610</b>	<b>20.080</b>	<b>13.000</b>



**Phụ lục 02**  
**CHI TIÊU DÂN SỐ-KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH NĂM 2024**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-DSKHHGD ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh)*



TT	Đơn Vị	Tỷ lệ tăng Dân số tự nhiên	Tuổi thọ trung bình	Mức giảm tỷ suất sinh thô (%)	Mức giảm chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh (điểm%)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Số người mới thực hiện BPTT hiện đại	Tỷ lệ NCT trong CLB được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần trong năm (%)
1	Huyện Ân Thi	<1	75,6	0,2	0,2	70	40	4.814	90
2	Huyện Kim Động	<1	75,6	0,2	0,5	70	45	4.768	90
3	Huyện Khoái Châu	<1	75,6	0,2	0,3	70	50	9.079	90
4	Huyện Mỹ Hào	<1	75,6	0,2	0,2	75	55	4.021	90
5	Huyện Phù Cừ	<1	75,6	0,2	0,1	65	40	3.794	90
6	Huyện Tiên Lữ	<1	75,6	0,3	0,3	65	55	4.568	90
7	Huyện Văn Giang	<1	75,6	0,2	0,5	75	50	4.680	90
8	Huyện Văn Lâm	<1	75,6	0,2	0,5	75	55	5.145	90
9	Huyện Yên Mỹ	<1	75,6	0,3	0,2	75	55	7.077	90
10	Thành Phố Hưng Yên	<1	75,6	0,1	0,2	75	55	5.116	90
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>&lt;1</b>	<b>75,6</b>	<b>0,2</b>	<b>0,3</b>	<b>75</b>	<b>55</b>	<b>53.062</b>	<b>90</b>